**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ D**
**TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2020
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Bà Trần Thị Tố Uyên.

**-Các Hội thẩm nhân dân**: Bà Lê Thị Thanh Cường.
Bà Doãn Thị Lệ.

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Ngày 13/01/2020, tại Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 11 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 115/2019/QĐST-DS ngày 26/12/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Chị TTYL, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn 8, xã An Phú, thành phố D, tỉnh Gia Lai.
**Bị đơn:** Ông LVT, bà PTT.
Địa chỉ: Thôn 1, xã AP, thành phố D, tỉnh Gia Lai.
(Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1- Trong đơn khởi kiện mà nguyên đơn đã nộp tại Tòa án nhân dân thành phố D ngày 02 tháng 4 năm 2019, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ chị TTYL trình bày:

Vào ngày 06/10/2015 (Âm lịch) chị L có cho anh LVT, trú tại Thôn 1, xã AP, thành Phố D, tỉnh Gia Lai vay số tiền là 40.000.000 đồng, đến tháng sau, chị T vợ anh T trả cho chị L 30.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng. Đến ngày 28/10/2015 chị T lại vay thêm 10.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay thì anh T, chị T còn nợ chị L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Lãi suất hai bên tự thỏa thuận, ngày 18/8/2016 chị T, anh T có chốt số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng, đến thời hạn chị L cần tiền, yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng chị T, anh T vẫn không trả.

Vì vậy chị TTYL khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố D yêu cầu giải quyết buộc ông LVTvà bà PTT phải trả cho chị L số tiền nợ là 20.000.000 đồng (*Hai mươi*

*triệu đồng chẵn*) và lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 18/8/2016 đến ngày xét xử hôm nay.

2- Bị đơn ông LVT, bà PTT trình bày tại bản tự khai:

Vợ chồng ông T, bà T xác nhận có vay của chị TTYL số tiền 20.000.000 đồng. Ông T, bà T đồng ý trả nợ trên, không đồng ý trả lãi.

Quá trình tòa án tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài Lệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại số thôn 1, xã AP, thành phố D, tỉnh Gia Lai. Nên Tòa án nhân dân thành phố D thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án thì giữa nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận tại thời điểm này bị đơn ông LVT, bà PTT còn nợ nguyên đơn chị TTYL số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng)*.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ gốc là: 20.000.000đồng và lãi suất chậm trả là 1%/tháng, lãi suất tính từ ngày 18/8/2016.

Căn cứ phát sinh nghĩa vụ trả tiền từ hợp đồng vay tiền giữa chị TTYL và ông LVT, bà PTT tại giấy vay tiền ngày 18/8/2016 thể hiện ông T, bà T còn nợ chị L số tiền 20.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên đến thời điểm chị L yêu cầu bị đơn trả nợ; Bên vay ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, không thực hiện như đã thỏa thuận trả nợ. Hơn nữa tại bản tự khai ngày 03/10/2019 cũng đã thừa nhận còn nợ chị L số tiền 20.000.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị đơn ông LVTvà bà PTT phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn nợ cho chị TTYL là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi của số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy, vì các bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng tại đơn khởi kiện cũng như quá trình công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi của số tiền 20.000.000 đồng, bắt đầu từ thời điểm mà bị đơn chốt nợ là ngày 18/8/2016 đến ngày xét xử hôm nay (13/01/2020). Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Nên Hội đồng xét xử chấp nhận và lãi suất được tính như sau: Số tiền gốc còn nợ là: 20.000.000 đồng x 1%/tháng x 03 năm 4 tháng 25 ngày = 8.166.000 đồng.

Xét yêu cầu của bị đơn thì thấy rằng bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Bị đơn không yêu cầu gì về trả nợ gốc cũng như lãi suất. Vì chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên yêu cầu này của bị đơn không được chấp nhận.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn cho nên bị đơn phải chịu án phí theo luật định.

Hoàn trả lại cho chị TTYL toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 264; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Xét Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của chị TTYL.

- Buộc bị đơn ông LVT, bà PTT phải trả cho chị TTYL số tiền còn nợ là: **28. 166.000 đồng** *(Hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*). Trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), nợ lãi là 8.166.000 đồng (*Tám triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)*.

- Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành hành án chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền gốc phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền gốc nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông LVT, bà PTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.408.300 đồng (*Một triệu bốn trăm lẽ tám ngàn ba trăm đồng*).

- Hoàn trả cho chị TTYL tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số: 0001257 ngày 05/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Gia lai.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/01/2020). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p0hải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành*

*án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THA-DS TP.D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Đã ký
Trần Thị Tố Uyên